

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 18.10.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE4.22

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62628850200000001	LY PHUONG LAN	女	1992-04-04	008192011025	LE4.22	
2	H62628850200000002	NGUYEN THI QUYEN	女	2001-09-08	035301003147	LE4.22	
3	H62628850200000003	HOANG NHU BAO	女	2003-09-10	014303001209	LE4.22	
4	H62628850200000004	NGO THI LANH	女	2001-06-19	024301014531	LE4.22	
5	H62628850200000005	NGUYEN THI HA GIANG	女	2003-10-15	042303001071	LE4.22	
6	H62628850200000006	DO NGOC ANH	女	2009-04-17	022309002117	LE4.22	
7	H62628850200000007	PHAM THI QUYNH TUOI	女	2003-11-26	019303008907	LE4.22	
8	H62628850200000008	VU PHUONG MY	女	2005-02-18	022305004410	LE4.22	
9	H62628850200000009	LUC THI LE	女	2004-02-25	004304001648	LE4.22	
10	H62628850200000010	VU THI THU PHUONG	女	2000-07-09	024300010334	LE4.22	
11	H62628850200000011	NGUYEN MAI HUONG	女	1998-03-16	008198001149	LE4.22	
12	H62628850200000012	TRAN THI UYEN NHU	女	2004-06-16	040304004895	LE4.22	
13	H62628850200000013	BI THUY HUONG	女	2004-06-09	001304014395	LE4.22	
14	H62628850200000014	NGUYEN KHANH VY	女	2009-02-20	024309001753	LE4.22	
15	H62628850200000015	HOANG THI THANH	女	2004-08-25	022304004493	LE4.22	
16	H62628850200000016	NGUYEN HA VY	女	2009-06-19	010309004172	LE4.22	
17	H62628850200000017	NGUYEN HA PHUONG	女	2005-10-08	027305002513	LE4.22	
18	H62628850200000018	VU NAM KHANH	男	2004-11-27	001204031497	LE4.22	
19	H62628850200000019	LANG THI THUY TRANG	女	2005-02-17	020305001440	LE4.22	
20	H62628850200000020	TRAN THI QUYNH TRANG	女	2003-11-12	036303004896	LE4.22	
21	H62628850200000021	LE THI MAI HOA	女	2000-09-13	022300003142	LE4.22	
22	H62628850200000022	TRUONG NGOC MAI	女	2008-08-15	024308011361	LE4.22	
23	H62628850200000023	CHU LAN HUONG	女	2004-09-03	001304035257	LE4.22	
24	H62628850200000024	NGUYEN PHUONG QUYNH	女	2005-08-31	001305033721	LE4.22	
25	H62628850200000025	HOANG THI HUONG QUYNH	女	2005-06-25	020305001296	LE4.22	
26	H62628850200000026	NGUYEN DUC ANH	男	2009-08-07	026209008027	LE4.22	
27	H62628850200000027	NGUYEN ANH TUYET	女	2005-09-25	027305002342	LE4.22	
28	H62628850200000028	NGUYEN THANH LAM	女	2000-05-21	040300009387	LE4.22	
29	H62628850200000029	NGUYEN THI NHAT QUYEN	女	2005-06-12	037305008801	LE4.22	
30	H62628850200000030	PHAN VI LINH	女	2006-12-24	001306031218	LE4.22	
31	H62628850200000031	NGUYEN THI HONG THUYEN	女	2005-01-23	001305047476	LE4.22	
32	H62628850200000032	VU THU THAO	女	2000-09-14	019300006464	LE4.22	
33	H62628850200000033	LE THANH THAO	女	2009-11-07	002309005076	LE4.22	
34	H62628850200000034	LE THUY ANH THU	女	2008-10-25	038308015064	LE4.22	
35	H62628850200000035	PHAM ANH NGOC	女	2005-12-18	027305000486	LE4.22	
36	H62628850200000036	NGUYEN THI PHUONG	女	1995-04-04	027195019521	LE4.22	
37	H62628850200000037	NGUYEN THI HONG VAN	女	2005-02-28	036305005307	LE4.22	
38	H62628850200000038	DANG TRIEU PHUONG ANH	女	2004-11-28	019304002298	LE4.22	
39	H62628850200000039	HA THI NGUYET ANH	女	2005-03-28	020305001499	LE4.22	
40	H62628850200000040	VU BAO YEN	女	2009-01-20	034309010198	LE4.22	